

BẢN TIN TUẦN

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(Tuần 26: 29/11/2023 đến 05/12/2023)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần 26 từ ngày 29/11/2023 đến ngày 05/12/2023

1. Vị trí giám sát

Thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 23 vị trí khảo sát chất lượng nước theo đề cương được duyệt, bao gồm 10 vị trí trên trục chính sông Nhuệ cùng 13 vị trí là các kênh trục chính, kênh tiêu và các điểm xả ô nhiễm nghiêm trọng vào hệ thống. Mô tả tổng quan 23 vị trí quan trắc như sau:

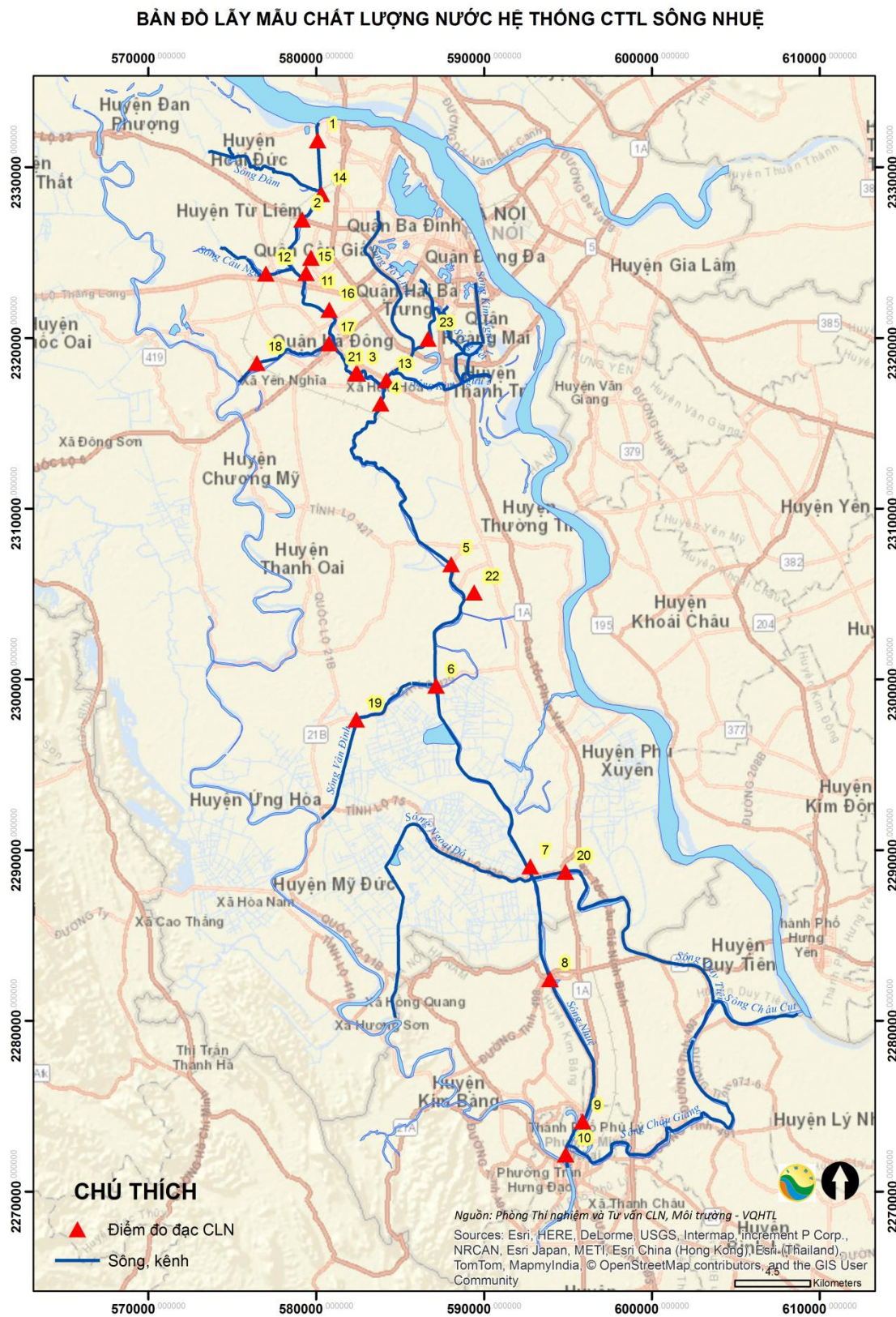
Bảng 1: MÔ TẢ TỔNG QUAN 23 VỊ TRÍ QUAN TRẮC

TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	MÔ TẢ
I	Trục chính sông Nhuệ	
1	Cống Liên Mạc	Là vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ, nằm ở quận Bắc Từ Liêm. Gồm 2 cống điều tiết Liên Mạc 1, và Liên Mạc 2. Cống Liên Mạc 1 thường mở thông, Liên Mạc 2 vận hành đóng mở theo mực nước ngoài sông Hồng để lấy nước vào trong hệ thống.
2	Cầu Diễn	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm giao cắt của QL32 qua sông Nhuệ phân chia ranh giới 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Dòng chính sông Nhuệ tại vị trí này đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La vào.
3	Đập Hà Đông	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập, nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc khu vực quận Hà Đông. Tại vị trí này dòng chính sông Nhuệ đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.
4	Cầu Tó	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Dòng chính sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.

5	Cầu Xém	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thường Tín. Dòng chính sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đô về tới cầu Xém.
6	Đập Đồng Quan	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu Đập thuộc địa phận huyện Phú Xuyên. Dòng chính sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.
7	Cầu Thần	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm ngăn cách giữa 2 huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.
8	Đập Nhật Tựu	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
9	Cống Lương Cồ	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
10	Cầu Phù Vân	Là điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.
II Điểm ô nhiễm nghiêm trọng, kênh trục chính và kênh tiêu		
11	Sông Đăm	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Vị trí đo đạc nằm ở hạ lưu sông Đăm, trước khi nhập vào sông Nhuệ, tại vị trí này sẽ khống chế toàn bộ lượng nước thải từ các hoạt động nông nghiệp, sản xuất của khu vực huyện Đan Phượng và một phần quận Bắc Từ Liêm.
12	Sông Cầu Ngà	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Nam Từ Liêm. Một phần diện tích tưới của huyện Hoài Đức lấy nước từ sông Cầu Ngà tuy nhiên hiện nay chất lượng nước sông bị ô nhiễm nặng nề, không đủ điều kiện cấp nước cho tưới.
13	Đập Thanh Liệt	Vị trí lấy mẫu nằm ở thượng lưu đập, khống chế toàn bộ nước thải từ nội thành Hà Nội qua sông Tô Lịch đổ vào sông Nhuệ. Những năm gần đây đập Thanh Liệt thường mở vào mùa mưa để tiêu nước từ nội thành ra sông Nhuệ, mùa khô đập Thanh Liệt thường đóng, nước sông Tô Lịch đưa về NMN Yên Sở để xử lý.
14	Kênh Xuân La	Vị trí lấy mẫu ở hạ lưu kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Kênh Xuân La bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận toàn bộ nước thải từ quận Tây Hồ, Bắc Từ Liêm và 1 phần quận Cầu Giấy.
15	Kênh Phú Đô	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.

16	Kênh tiêu Trung Văn	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.
17	Cầu Am	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.
18	Kênh La Khê	Vị trí đo đạc tại cầu La Khê trên kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn sau khi đã tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp và nước thải một số làng nghề trong đó có nước thải dệt nhuộm từ làng nghề lụa Vạn Phúc.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy. Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa lấy nước từ kênh Vân Đình để tưới. Vị trí lấy mẫu tại cầu Bàu trên kênh Vân Đình chịu ảnh hưởng của nước thải làng nghề mây tre đan quanh khu vực.
20	Kênh Duy Tiên	Vị trí đo đạc tại cầu Giẽ trên kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.
21	Kênh Yên Xá	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ. Nước thải từ quận Thanh Xuân, một phần huyện Thanh Trì và các bệnh viện lớn như bệnh viện 103, Viện Bỏng Quốc Gia, Viện K Tân Triều đổ vào kênh Yên Xá.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Là một nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.
23	Kênh Hòa Bình	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ, do kênh Hòa Bình chịu ảnh hưởng của chất lượng nước sông Tô Lịch và nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của các khu dân cư xung quanh hai bên bờ kênh, đặc biệt là nước thải từ khu nghỉ trang Văn Điển.

Hình 1: BẢN ĐỒ LẤY MẪU CLN HỆ THỐNG CTTL SÔNG NHUỆ NĂM 2023



2. Thông tin lúc lấy mẫu

Bảng 2: TỔNG HỢP THÔNG TIN QUAN TRẮC

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	NM1	Cống Liên Mạc			Trong tuần từ 29/11/2023 đến 05/12/2023 trong HTCTTL Sông Nhuệ không lấy nước; một số diện tích bắt đầu trồng rau màu vụ đông sử dụng nước sẵn có.
2	NM 2	Cầu Diễn			
3	NM 3	Đập Hà Đông			
4	NM 4	Cầu Tó			
5	NM 5	Cầu Xém			
6	NM 6	Đập Đồng Quan			
7	NM 7	Cầu Thần			
8	NM 8	Đập Nhật Tựu			
9	NM 9	Cống Lương Cổ			
10	NM 10	Cầu Phù Vân			
11	NM 11	Sông Đăm			
12	NM 12	Sông Cầu Ngà			
13	NM 13	Đập Thanh Liệt			
14	NM 14	Kênh Xuân La			
15	NM 15	Kênh Phú Đô			
16	NM 16	Kênh tiêu Trung Văn			
17	NM 17	Cầu Am			
18	NM 18	Kênh La			

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
		Khê			
19	NM 19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu			
20	NM 20	Kênh Duy Tiên			
21	NM 21	Kênh Yên Xá			
22	NM 22	Sông Tô Lịch tại Khánh Hà			
23	NM 23	Kênh Hòa Bình			

3. Kết quả đo đạc

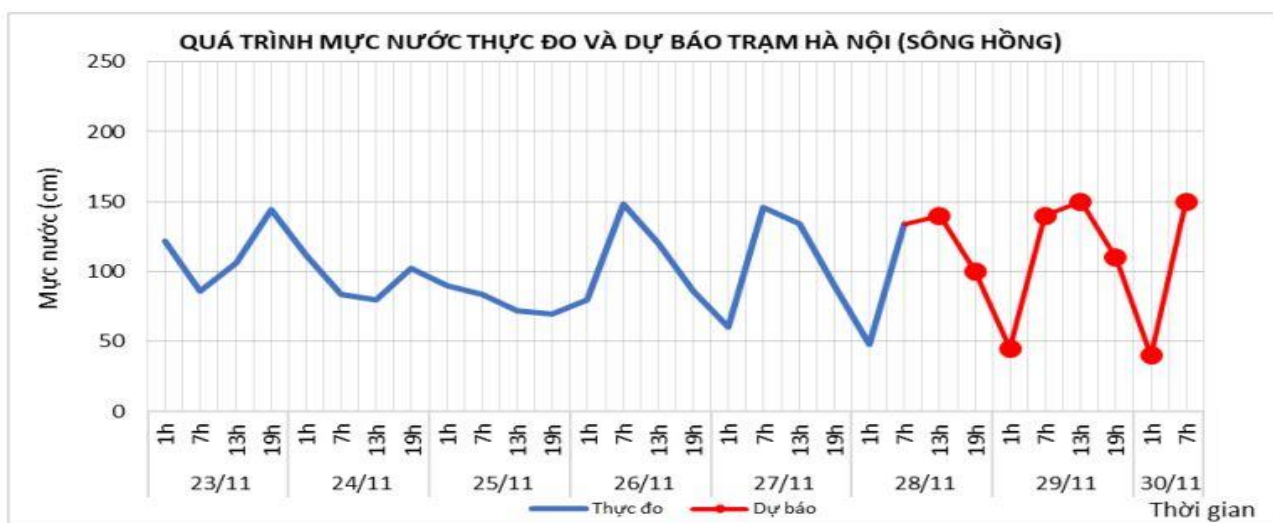
4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 29/11/2023 đến ngày 05/12/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

- Diễn biến tình hình thủy văn đã qua: Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Lúc 7h/28/11, mực nước tại trạm Hà Nội là 1,34m.

- Dự báo, cảnh báo: Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Đến 7h/30/11 mực nước tại trạm Hà Nội có khả năng ở mức 1,50m.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Bảng 3: SỐ LIỆU DỰ BÁO CLN TUẦN 26 NĂM 2023 HTCTTL SÔNG NHUỆ

		DO							B- QCVN 08- 2023	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		29/11	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12		
Cống Liên Mạc		0.93	0.96	1.02	1.08	1.14	1.20	1.25	5	
Cầu Diễn		2.37	2.38	2.38	2.38	2.38	2.38	2.38	5	
Đập Hà Đông		1.50	1.51	1.51	1.51	1.51	1.51	1.51	5	
Cầu Tó		1.09	1.11	1.10	1.10	1.10	1.10	1.10	5	
Cầu Xém		0.89	1.09	1.09	1.09	1.09	1.09	1.09	5	
Đập Đồng Quan		2.00	2.60	2.59	2.56	2.57	2.56	2.56	5	
Cầu Thần		1.80	2.01	1.93	1.98	2.00	2.00	2.00	5	
Đập Nhật Tựu		3.00	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	5	
Cống Lương Cổ		2.00	3.90	3.90	3.90	3.90	3.90	3.90	5	
Cầu Phù Vân		2.00	4.09	4.09	4.09	4.09	4.09	4.09	5	
Sông Đăm		3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	3.16	5	
Sông Cầu Ngà		1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	1.79	5	
Đập Thanh Liệt		1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	1.02	5	
Kênh Xuân La		0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59	5	
Kênh Phú Đô		0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	0.82	5	
Kênh Trung Văn		0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	5	
Cầu Am		0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	0.52	5	
Kênh La Khê		0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42	5	
Kênh Vân Đình		5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5.61	5	
Kênh Duy Tiên		4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	4.91	5	
Kênh Yên Xá		0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	5	
Sông Tô Lịch		5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5.12	5	
Kênh Hòa Bình		5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5	
		BOD₅							B- QCVN 08- 2023	Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		29/11	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12		
Cống Liên Mạc		47.70	48.21	48.42	48.59	48.75	48.90	49.04	≤ 6	
Cầu Diễn		40.00	39.82	39.82	39.83	39.84	39.84	39.84	≤ 6	
Đập Hà Đông		53.03	52.95	52.93	52.93	52.94	52.94	52.94	≤ 6	
Cầu Tó		59.18	59.24	59.12	59.12	59.12	59.12	59.12	≤ 6	
Cầu Xém		60.88	59.11	59.35	59.20	59.21	59.21	59.22	≤ 6	
Cầu Thần		49.17	49.93	48.23	48.37	48.25	48.23	48.23	≤ 6	
Đập Đồng Quan		54.43	54.09	54.27	54.44	54.51	54.52	54.53	≤ 6	
Đập Nhật Tựu		40.56	40.57	40.57	40.57	40.57	40.57	40.57	≤ 6	
Cống Lương Cổ		43.01	43.01	43.01	43.01	43.01	43.01	43.01	≤ 6	
Cầu Phù Vân		40.63	40.63	40.63	40.63	40.63	40.63	40.63	≤ 6	
Sông Đăm		28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	≤ 6	

Sông Cầu Ngà		47.90	47.90	47.90	47.90	47.90	47.90	47.90	≤ 6	
Đập Thanh Liệt		60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	60.50	≤ 6	
Kênh Xuân La		55.70	55.70	55.70	55.70	55.70	55.70	55.70	≤ 6	
Kênh Phú Đô		60.30	60.30	60.30	60.30	60.30	60.30	60.30	≤ 6	
Kênh Trung Văn		61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	61.70	≤ 6	
Cầu Am		61.80	61.80	61.80	61.80	61.80	61.80	61.80	≤ 6	
Kênh La Khê		63.90	63.90	63.90	63.90	63.90	63.90	63.90	≤ 6	
Kênh Vân Đình		28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	28.70	≤ 6	
Kênh Duy Tiên		38.90	38.90	38.90	38.90	38.90	38.90	38.90	≤ 6	
Kênh Yên Xá		58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	≤ 6	
Sông Tô Lịch		29.50	29.50	29.50	29.50	29.50	29.50	29.50	≤ 6	
Kênh Hòa Bình		27.50	27.50	27.50	27.50	27.50	27.50	27.50	≤ 6	

NH4+										Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		29/11	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12		
Cống Liên Mạc		8.13	9.55	10.70	11.77	12.77	13.72	14.62		
Cầu Diễn		20.58	20.40	20.30	20.30	20.31	20.31	20.31		
Đập Hà Đông		31.11	31.09	31.02	31.01	31.01	31.01	31.01		
Cầu Tó		36.19	36.16	36.17	36.15	36.15	36.15	36.15		
Cầu Xém		34.23	35.82	35.97	35.94	36.00	36.07	36.13		
Đập Đồng Quan		20.90	26.96	25.56	25.62	25.09	24.82	24.84		
Cầu Thân		23.11	24.93	26.28	28.19	28.91	28.93	28.93		
Đập Nhật Tựu		10.69	10.69	10.69	10.69	10.69	10.69	10.69		
Cống Lương Cổ		13.87	13.87	13.87	13.87	13.87	13.87	13.87		
Cầu Phù Vân		12.17	12.18	12.17	12.17	12.17	12.17	12.17		
Sông Đăm		11.61	11.61	11.61	11.61	11.61	11.61	11.61		
Sông Cầu Ngà		26.10	26.10	26.10	26.10	26.10	26.10	26.10		
Đập Thanh Liệt		36.70	36.70	36.70	36.70	36.70	36.70	36.70		
Kênh Xuân La		40.70	40.70	40.70	40.70	40.70	40.70	40.70		
Kênh Phú Đô		39.50	39.50	39.50	39.50	39.50	39.50	39.50		
Kênh Trung Văn		53.90	53.90	53.90	53.90	53.90	53.90	53.90		
Cầu Am		42.50	42.50	42.50	42.50	42.50	42.50	42.50		
Kênh La Khê		58.90	58.90	58.90	58.90	58.90	58.90	58.90		
Kênh Vân Đình		1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63	1.63		
Kênh Duy Tiên		2.87	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87	2.87		
Kênh Yên Xá		32.90	32.90	32.90	32.90	32.90	32.90	32.90		
Sông Tô Lịch		0.97	0.97	0.97	0.97	0.97	0.97	0.97		
Kênh Hòa Bình		1.50	1.50	1.50	1.50	1.50	1.50	1.50		

NO ₃ ⁻										Đánh giá
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								

		29/11	30/11	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	
Cổng Liên Mạc		4.11	4.25	4.34	4.42	4.50	4.57	4.64	
Cầu Diên		10.66	10.66	10.65	10.65	10.65	10.65	10.65	
Đập Hà Đông		8.37	8.38	8.37	8.37	8.37	8.37	8.37	
Cầu Tó		7.23	7.30	7.24	7.24	7.24	7.24	7.24	
Cầu Xém		6.29	7.24	7.22	7.20	7.21	7.21	7.22	
Đập Đồng Quan		4.00	5.37	5.59	5.61	5.53	5.50	5.51	
Cầu Thần		4.71	4.89	5.07	5.29	5.34	5.33	5.33	
Đập Nhật Tựu		1.18	1.18	1.18	1.18	1.18	1.18	1.18	
Cổng Lương Cổ		1.90	1.90	1.90	1.90	1.90	1.90	1.90	
Cầu Phù Vân		1.82	1.82	1.82	1.82	1.82	1.82	1.82	
Sông Đăm		12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	
Sông Cầu Ngà		10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	
Đập Thanh Liệt		7.10	7.10	7.10	7.10	7.10	7.10	7.10	
Kênh Xuân La		8.60	8.60	8.60	8.60	8.60	8.60	8.60	
Kênh Phú Đô		5.20	5.20	5.20	5.20	5.20	5.20	5.20	
Kênh Trung Văn		10.70	10.70	10.70	10.70	10.70	10.70	10.70	
Cầu Am		6.10	6.10	6.10	6.10	6.10	6.10	6.10	
Kênh La Khê		4.90	4.90	4.90	4.90	4.90	4.90	4.90	
Kênh Vân Đình		1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	1.14	
Kênh Duy Tiên		11.50	11.50	11.50	11.50	11.50	11.50	11.50	
Kênh Yên Xá		10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	10.50	
Sông Tô Lịch		10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	
Kênh Hòa Bình		25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	25.20	

Ghi chú: T = Tăng; G = Giảm

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Trong tuần 26 năm 2023 CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm do dự báo trên lưu vực không có mưa và mực nước sông Hồng tại đầu cống Liên Mạc giảm ảnh hưởng đến việc lấy nước vào hệ thống.

2. Dự báo chung

Chất lượng nước trong hệ thống CTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm so với tuần trước.

3. Đề xuất

- Cần nghiên cứu triển khai lắp đặt hệ thống TB DC Liên Mạc lấy nước từ sông Hồng để cung cấp cho đoạn thượng lưu sông Nhuệ. Những năm từ 2018-2022 cho thấy việc mở cống Liên Mạc 1, 2 hệ thống lấy được rất ít nước vào; thường xuyên xuất hiện tình trạng nước sông Nhuệ chảy ngược ra sông Hồng.

- Do thời gian này bắt đầu vào mùa mưa, hệ thống không lấy nước; trực chính sông Nhuệ chủ yếu nhận nước tiêu từ nội đồng do mưa ra nên cần chú ý vận hành các công trình hợp lý để tránh úng ngập cục bộ khi có mưa lớn.

- Dưới hạ lưu mở cống Tắc Giang để tận dụng lấy nước hoặc tiêu nước cho sông Châu; tận dụng triều mở đập Nhật Tựu để lấy nước ngược vào dòng chính sông Nhuệ hoặc tiêu nước ra sông Đáy từ thượng lưu về./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu Phòng TN&TV QL CLN,MT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI